

GIÁO DỤC PHẬT ĐÀ: SỰ NGHIỆP GIÁO
DỤC TÔN GIÁO CHÍ THIỆN, VIÊN MÃN (Chủ
giảng: Lão pháp sư Tịnh Không)

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 - Hiệp hội Giáo dục
Phật Đà Hồng Kông

Kính thưa các vị pháp sư các vị khách quý, các vị
đại đức các quý bà, quý ông!

Xin chào mọi người!

Tháng 3 năm nay đoàn gồm có pháp sư Đức
Thiện Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Giáo hội Phật
Giáo Việt Nam.

Ngài Chu Văn Tuấn, Viện trưởng Viện Nghiên
Cứu Tôn Giáo – thuộc Viện Khoa Học Xã hội Việt
Nam.

Pháp sư Minh Quang, Phó trưởng ban trị sự -
Giáo hội Phật Giáo Việt Nam tỉnh Ninh Bình cùng
các vị “Phật tử” kiên thành đã đích thân đến Hồng
Kông thăm và mời tôi đến thăm Quý quốc một đất
nước trang nghiêm tráng lệ.

Tôi vô cùng cảm động và cảm tạ lời mời chân
thành của các vị pháp sư và Phật tử thế nhưng tuổi tác
không buông tha sắc thân đã dùng chín mươi hai năm
này khiến tôi cảm thấy “lực bất tòng tâm” cộng thêm
một loạt các hành trình ở Châu Âu.

Vào trung tuần tháng này tôi lại buộc phải đến họp tại trụ sở UNESCO ở Pari, nước Pháp khiến tôi không thể đến Quý quốc thăm quan, trao đổi và học tập như mong muốn, tôi cảm thấy vô cùng xin lỗi!

Để mọi người không quá thất vọng tôi đã thành khẩn nỗ lực thu hình bài diễn giảng này mong rằng có thể bù đắp sự áy náy vì tôi chưa thể đích thân đến thăm quý quốc và cũng thỉnh cầu mọi người hiểu cho nỗi khổ tâm của tôi vì tôi không thể phân thân.

Một trong những chủ đề mà Ban Tổ Chức gửi cho tôi là: “Giáo dục Phật Đà - Giáo dục tôn giáo chí thiện, viên mãn”.

Đầu tiên xin cho phép tôi giới thiệu sơ qua về Phật Giáo.

Ở đây có rất nhiều người là Phật tử khi học Phật, đầu tiên bắt buộc phải hiểu rõ thế nào là Phật Giáo nếu không sẽ trở thành mê tín mất thôi.

Nhận thức về Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi còn trẻ, tôi cho rằng Phật Giáo là mê tín là đạo “đa thần” [Tôn giáo thờ nhiều thần, khác với nhất thần giáo] và tôn giáo cấp thấp.

May thay vào năm 26 tuổi tôi đã gặp được giáo sư Phương Đông Mỹ, ông là một nhà triết học lớn.

Ông đã giảng cho tôi bộ Khái Luận Triết Học. Đến cuối giáo trình, thầy Phương đã giảng đến triết học của kinh Phật, khi đó ông nói:

“Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới, triết học của kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”.

Đây là điều mà trước đây tôi chưa từng nghe thấy, do vậy tôi bắt đầu có hứng thú đối với Phật Giáo.

Sau khi tìm hiểu và đọc những cuốn sách về Phật Giáo một cách nghiêm túc tôi mới hiểu Phật Giáo chính là giáo dục là sự nghiệp giáo dục chí thiện, viên mãn của Phật Đà đối với chúng sinh ở “Chín pháp giới”.

Người thầy thứ hai dạy cho tôi về Phật pháp là Đại sư Chương Gia – một đại đức xuất gia của nhà Phật. Ngài nói: “Khi chúng ta học Phật trước hết phải hiểu rõ về Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉ sau khi có được sự hiểu biết đúng đắn về cuộc đời của Phật Đà, người học Phật mới không đi đường vòng”.

Đại sư đã hướng dẫn tôi đọc cuốn “Thích Ca Phương Chí” và “Thích Ca Phổ” đây đều là truyện ký về Phật Thích Ca Mâu Ni.

Sau khi đọc xong hai cuốn sách này tôi mới phát hiện ra: Thân phận của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu dùng thuật ngữ hiện đại mà nói ngài là tình nguyện viên vì sự nghiệp giáo dục đa nguyên văn hóa xã hội”.

Khi còn chưa xuất gia thân phận của ngài là một vị thái tử. Khi còn trẻ, ngài thấy được quy luật “già, bệnh, chết, khổ” của chúng sinh ở thế gian, ngài đã mong muốn tìm được, phương pháp để chúng sinh là khổ được vui.

Thế rồi ngài đã chọn cách xuất gia để tu hành trải qua nhiều năm tu học và sau sáu năm tu khổ hạnh, ngài vẫn không tìm được con đường “Lìa khổ được vui” cứu cánh. Sau cùng ngài đem tất cả phiền não của vọng tưởng phân biệt, chấp trước đều buông xuống một cách triệt để dưới gốc cây Bồ Đề.

Thế rồi ngài đã khôi phục được trí huệ viên mãn vốn có trong tự tính [tự tánh] của chính mình, hiểu được tường tận chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Sau khi khai ngộ ngài liền bắt đầu thực hiện công tác giảng kinh, dạy học. Kể từ khi Ngài khai ngộ vào năm 30 tuổi cho đến khi Ngài viên tịch vào tuổi 79 sự nghiệp dạy học của Phật Thích Ca Mâu Ni chưa hề ngừng nghỉ.

Mục tiêu và tôn chỉ dạy học một đời của ngài chính là muốn giúp tất cả chúng sinh hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh giúp chúng sinh đạt được

trí huệ, để phá mê khai ngộ, sau cùng là khổ được vui.

Trí huệ và học vị của Phật Giáo Trí huệ mà Phật Giáo nói đến bao gồm ba bậc.

Bậc thứ nhất gọi là “Nhất Thiết Trí”. Nếu dùng danh từ triết học hiện đại mà nói chính là hiểu một cách chính xác về bản thể của vũ trụ nhân sanh trí huệ này trong Phật Pháp gọi là “Nhất Thiết Trí”.

Bậc A La Hán chứng được trí huệ này và có được quả vị “Chính Giác” [Chánh giác] bậc này tựa như học vị cử nhân của thế gian.

Bậc trí huệ thứ hai là “Đạo Chứng Trí”: “Chứng” là chỉ hiện tượng chủng loại của hiện tượng trong vũ trụ có vô lượng vô biên vô số hiện tượng này được sinh ra như thế nào? Từ đâu tới? Quá trình của hiện tượng ra sao? Kết quả sau này thế nào vậy?

Trí huệ để hiểu được chính xác muôn vàn hiện tượng trong vũ trụ, đây được gọi là “Đạo Chứng Trí”. Bậc Bồ Tát chứng được trí huệ thế này và đạt được quả vị “Chính Đẳng - Chính Giác” [Chánh Đẳng - Chánh Giác] bậc này ví như học vị thạc sĩ của thế gian.

Bậc trí huệ thứ ba gọi là “Nhất Thiết Chứng Trí”, chính là hiểu một cách viên mãn cứu cánh đối với bản tướng của vũ trụ nhân sinh mà không hề có một chút mê hoặc cũng không hề có một chút sai sót trí huệ đã

đạt đến cứu cánh viên mãn không có gì là không hiểu, không có gì là không thấy. Đức Phật chứng được bậc trí huệ này và đạt được quả vị Vô Thượng - Chính Đẳng - Chính Giác bậc này giống như học vị tiến sĩ của thế gian. Do đó, “Phật” thực ra không phải là chỉ riêng một mình Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà chỉ những người đã chứng được bậc trí huệ cứu cánh viên mãn đều được gọi là Phật.

Nội dung tu học của Phật Pháp

Nội dung mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng kinh thuyết pháp trong bốn mươi chín năm nhiều vô cùng những nội dung này có thể quy nạp thành “Ngũ Thừa”. Gồm có: Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa: “Thừa” là phương tiện giao thông, đây là một lối tỷ dụ.

Đối với những người ưa thích làm người đức Phật dạy họ thọ trì “Ngũ Giới” [năm giới]. Ngũ Giới có thể đưa họ đến con đường để làm người.

Đối với những người ưa thích sinh về cõi trời đức Phật dạy họ tu “Thập Thiện” [10 điều lành].

“Thập Thiện” có thể đưa họ đến với cõi trời. Đối với những người ưa thích trở thành A La Hán, Đức Phật dạy họ pháp môn “Tứ Diệu Đế” [4 chân lý kỳ diệu] để giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Đây là “Thanh Văn Thừa”

Đối với những người ưa thích trở thành Bích Chi Phật, đức Phật chỉ dạy pháp môn “Thập Nhị Nhân Duyên” [12 nhân duyên] để không những dứt bỏ được phiền não thô nặng dễ thấy mà ngay cả tập khí của phiền não cũng không còn. Đây là “Duyên Giác Thừa”.

Đối với những người ưa thích trở thành Phật, đức Phật chỉ dạy cho họ tu pháp môn “Lục Độ Vạn Hạnh”, để phổ độ chúng sinh, viên mãn Bồ Đề. Đây là “Bồ Tát Thừa”.

Dưới đây chúng tôi xin đem Tịnh Nghiệp Tam phúc [Phước] để giới thiệu khái quát về nền tảng của Ngũ Thừa. Trong “Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật”, Phật có giảng cho phu nhân Vi Đề Hi:

Tam Phúc này là “Chính nhân Tịnh Nghiệp” của chư Phật ba đời. Chư Phật ba đời chính là: Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật tương lai. Tất cả chư Phật tu hành đã chứng quả đều phải lấy Tam Phúc này làm cơ sở.

Chúng ta hãy nghe Phúc thứ nhất có bốn câu: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng [Hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính thầy giáo]; Từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp” [Từ tâm chẳng giết hại, tu mười điều thiện].

Câu đầu tiên: Hiếu dưỡng cha mẹ

Kinh Phật được dịch sang tiếng Trung Quốc từ tiếng Phạn của Ấn Độ. Chữ viết của Trung Quốc vô cùng đặc thù mà hàm nghĩa lại vô cùng sâu sắc là loại hình vẽ trí tuệ.

Chữ “Hiếu” này là thể loại “hội ý” chúng ta phải hiểu rõ được ý nghĩa của chữ này ở trên là chữ “Lão”, bên dưới là chữ “Tử”. Điều này muốn nói với chúng ta rằng: Thế hệ trước và thế hệ sau là một thể, là một, chứ không phải hai. Quá khứ còn có quá khứ, tương lai vẫn có tương lai, quá khứ không có bắt đầu, mà tương lai lại không có kết thúc, thời gian và không gian không có bắt đầu và kết thúc, chính là “thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương” [thông suốt ba thời, trùm khắp mười phương] mà Phật Pháp nói đến. Hay nói cách khác cả vũ trụ chính là một chữ “Hiếu”.

Do vậy ai là người làm được chữ hiếu thật sự viên mãn đây? Xin nói với quý vị: Chỉ khi thành Phật.

Nếu không thành Phật chữ hiếu này có làm thế nào cũng không thể viên mãn. Cho nên “hiếu thân” không chỉ là phụng dưỡng cha mẹ.

Trong “Giới Kinh” có nói: “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. Điều này chính là đem tấm lòng hiếu thảo với cha mẹ mà phát huy mở rộng ra tận hư không khắp pháp giới chính là đạo hiếu đó Phật Pháp Đại Thừa được thiết lập trên cơ sở của đạo hiếu.

Phật Pháp là đạo thầy trò đạo thầy trò nhất định phải lấy đạo hiếu làm nền tảng nếu không có đạo hiếu sẽ không thể bàn đến đạo thầy trò người mà có thể hiếu thuận với cha mẹ, tất sẽ tôn kính sư trưởng.

Giả như họ không tôn kính sư trưởng không nghe lời thầy giáo, không học tập cho tốt, vậy thì cha mẹ sẽ âu lo, sẽ bận tâm rồi. Điều này chính là bất hiếu.

Anh, chị, em nhất định phải hòa thuận, nếu không hòa thuận, cha mẹ sẽ lo lắng điều này cũng là bất hiếu.

Người ta làm việc nhất định phải nghiêm túc và có trách nhiệm nhất định phải tuân thủ luật pháp.

Vì sao vậy? Để không khiến cha mẹ lo lắng, không khiến cha mẹ phải phiền muộn.

Do vậy, đạo hiếu đích thực là sự cứu cánh viên mãn của “tính đức” [tánh đức]. Đức Phật dạy chúng ta phải học từ những điểm này phải kính trọng thầy giáo. Đức Phật chính là người thầy đầu tiên của chúng ta, người thầy của 3000 năm về trước, đến người thầy xa cách như vậy mà vẫn kính trọng đều một lòng không quên. Vậy thì đối với người thầy hiện tại đâu có đạo lý nào mà không kính trọng chứ!

Do đó chúng ta thờ tượng Phật là để luôn nhớ nghĩ ân đức là mang ý nghĩa báo ân. Điều này nhất định phải hiểu được chứ không phải xem đức Phật

như thần linh. Đây chính là lý do vì sao đệ tử Phật phải thờ tượng Phật, điều này có ý nghĩa giáo dục vô cùng sâu sắc ở trong đó để khi chúng ta nhìn thấy hình tượng của Phật – Bồ Tát thì liền nghĩ đến tâm hiếu kính “Hiếu thân, tôn sư” [hiếu với cha mẹ, tôn kính thầy giáo].

“Kinh Địa Tạng” là Hiếu Kinh trong Phật Giáo. Sau khi đức Phật giảng về chữ Hiếu vô cùng viên mãn trên “Kinh Địa Tạng” tiếp đến liền giảng về tâm từ bi.

Tam phúc Tịnh Nghiệp ở đây cũng vậy, sau khi Phật giảng về “hiếu thân tôn sư”, tiếp đến cũng là nói đến tâm từ bi.

Từ điểm này chúng ta hiểu được tâm từ bi là nội dung vô cùng quan trọng, lòng hiếu kính mở rộng ra chính là tấm lòng từ bi.

Vì sao điều đầu tiên của tâm từ bi là “bất sát” [không giết hại] vậy? Trong tất cả nghiệp ác, nghiệp giết hại này là nặng tội nhất. Vì sao vậy? Bởi vì tất cả chúng sinh có sinh mệnh, không một loài nào mà không tham sống sợ chết. Hôm nay ta giết chúng, chúng sẽ ôm mối hận trong lòng: “Anh giết tôi, đời sau tôi nhất định phải giết anh”, cứ oan oan tương báo như thế, không hề kết thúc. Mà sự thù hận càng tích lại càng sâu nặng, điều này là đáng sợ nhất. Vậy nên mới nói đến tâm từ bi.

Phạm vi của tấm lòng từ bi là sâu rộng không có giới hạn, do vậy đức Phật đặc biệt đưa ra điều này. Hay nói một cách khác, sát sinh chính là bất kính đối với thầy giáo, bởi vì thầy giáo dạy cho ta Ngũ Giới, điều đầu tiên của giới căn bản chính là không sát sinh. Vậy mà ngày nay chúng ta vẫn sát sinh như vậy nào có nghe lời của thầy đâu! Điều này chính là bất kính đối với thầy.

Khi bất kính đối với thầy cũng chính là bất kính đối với cha mẹ. Cha mẹ mong muốn chúng ta nghe lời của thầy giáo, vâng theo lời dạy của thầy mà thực hiện, thế nhưng ngày nay lại không nghe lời của thầy rồi, bởi vậy việc sát sinh này, không những đã đánh mất tâm từ bi, mà tâm hiếu kính cũng không còn nữa. Cho nên ý nghĩa này sâu sắc vô cùng!

Nội dung sau cùng là tu “Thập Thiện Nghiệp”. Thập Thiện Nghiệp chính là tiêu chuẩn của thiện pháp thế gian. Đức Phật dạy chúng ta rằng: “Nếu tu được mười điều thiện này, nhất định sẽ không bị đọa vào ba đường ác, nếu Thập Thiện Nghiệp mà đạt được bậc thượng phẩm tất sẽ được sinh về cõi trời, còn nếu có cả thiện định “Tứ Vô Lượng Tâm: Từ - Bi - Hỷ - Xả” họ sẽ được sinh về cõi trời cao hơn, cõi trời cao hơn giống như Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên.

Mười thiện cũng có thể quy nạp thành ba mục lớn, đó là: Thân, khẩu và ý.

Thân nghiệp có ba điều: “Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm.”

Đây là dạy cho các đồng tu tại gia, còn nếu là người xuất gia thì phải sửa thành “không dâm dục”, đoạn bỏ cho thật sạch sẽ. Khi bàn đến “không tà dâm” chúng sinh bị luân chuyển trong Tam Giới [ba cõi] (Tam Giới chính là: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới), nếu tâm dâm dục không được hàng phục dẫu họ tu thiện có cao đến mức nào cũng chỉ có thể sinh về cõi trời Dục Giới. Cõi Dục Giới có sáu tầng, càng lên cao thì tính dục càng nhạt dần.

Từ đây có thể thấy người thực sự tu thiện mà đạt được thiện định phải có thể hàng phục được tất cả ý nghĩ dâm dục, nhất định không để hiển hiện. Bởi vậy “ngũ dục” [5 ham muốn: tài, sắc, danh, ăn, ngủ] này // tất cả đều không có rồi. Tuy rằng gốc rễ vẫn chưa dứt được // nhưng họ có công phu của thiện định do đó ý niệm này sẽ không sinh ra, sẽ không hiển hiện. Trình độ thế này mới có tư cách để sinh về cõi trời Sơ Thiên trở lên.

Lại nói về không trộm cắp. Trộm cắp là lấy những thứ không phải của mình. Ngày nay chúng ta thừa cơ trục lợi muốn trốn một chút thuế, trốn thuế chính là trộm cắp, là lấy trộm của nhà nước tội sẽ càng nặng hơn. Nếu ta lấy trộm của một người, sau này phải trả nợ một người; Nếu ta lấy trộm của đất nước này, người dân của đất nước này nhiều như vậy, trong

tương lai ai ai cũng là chủ nợ của ta, món nợ này liệu có trả được không? Trả không nổi.

Cho nên người học Phật chân thật nhất định phải tuân thủ luật pháp, tuyệt đối không dám thừa cơ trục lợi. Bởi vậy, không phạm giới trộm cắp, không phạm giới dâm, không phạm giới sát, đây là ba nghiệp của thân;

Khẩu nghiệp có bốn loại, khẩu nghiệp là chỉ những lời lẽ nói ra. Có bốn thiện pháp:

Thứ nhất là không “vọng ngữ” [nói dối]: Vọng ngữ là cố ý lừa dối người khác, cũng chính là không thành thật.

Thứ hai là không nói lời hai chiều [“lưỡng thiệt”]: Lời hai chiều là gây điều thị phi. Ở trước người A thì nói “người B nói anh không tốt”, ở trước người B thì nói “người A nói anh không đúng”. Đây chính là làm náo loạn đôi bên, dựng chuyện thị phi. Dẫu có là cố ý hay vô tình, trong xã hội này của chúng ta, có rất nhiều người không phải là cố ý, họ sẽ tạo điều thị phi một cách vô tình, tựa như đôi lúc lan tin, càng truyền đi thì càng sai ý, rồi đem thông tin mà truyền đạt sai. Vốn dĩ người ta không có ý thế này, nhưng khi họ nói chuyện, chỗ này thêm một chút, chỗ kia thêm một chút, thêm mắm thêm muối. Thế rồi đem ý của người ta làm cho điên đảo hết cả rồi.

Đây là lỗi làm rất lớn! Nếu nhỏ thì làm cho hai người bất hòa, còn lớn thì khiến hai đất nước nảy sinh chiến tranh. Tội lỗi này rất nặng, tuyệt đối không được xem nhẹ;

Thứ ba là không nói lời xấu ác [“ác khẩu”]: Là nói lời xấu ác là nói không có chừng mực, không có lễ độ, rất thô lỗ, khiến người nghe thấy liền cảm thấy rất khó chịu;

Thứ tư là không nói lời thêu dệt [“ỷ ngữ”]: Là lời thêu dệt là lời lẽ hoa mỹ. Nói thì vô cùng hay, nhưng dụng ý lại không tốt. Ví như trong xã hội thời nay có vô số phim ảnh, vô số tiết mục ca múa, âm nhạc, khi nghe có vẻ rất hay, khi xem cũng không thấy xấu, nhưng chúng dạy điều gì cho con người vậy? Đều là dạy người ta làm điều “sát, đạo, dâm, vọng” [giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối]. Những thứ này tất thấy đều là thêu dệt.

Miệng phải tránh xa bốn loại ác nghiệp này thì khẩu nghiệp tất sẽ thiện.

Nội dung thứ ba là “Ý nghiệp”: cũng chính là những ý niệm dấy khởi của chúng ta. Trong ý niệm có thể quy nạp thành ba loại lớn: Không tham, không sân, không si.

“Tham” là nói đến tham ái, bao gồm keo kiệt. Cho nên thường nói “tham lam keo kiệt”. Đối với thứ mà bản thân không có, chúng ta ra sức mong cầu,

mong để đạt được, đây chính là tâm tham; Đối với những thứ đã có lại không thể buông xả, luyến tiếc, không chịu giúp đỡ người khác, đây chính là keo kiệt, đây cũng chính là tâm tham. Tham lam là chướng ngại lớn nhất khi tu học Phật Pháp.

Bởi vậy đức Phật dạy chúng ta bố thí, bố thí chính là xả hết tâm tham.

Có một số đồng tu học Phật lâu năm, họ không còn tham đối với “danh văn lợi dưỡng” của pháp thế gian điều này cũng rất hiếm có. Nhưng họ lại tham Phật Pháp thứ này cũng muốn học, thứ kia cũng muốn học. Quý vị hãy thử nghĩ xem, lòng tham của họ thực ra không dứt bỏ được. Đức Phật dạy chúng ta đoạn bỏ tâm tham, chứ không phải dạy chúng ta đổi đối tượng của lòng tham. Trước đây tham pháp thế gian, bây giờ lại tham Phật pháp, vẫn là tâm tham. Tâm tham vẫn còn ở đó, điều này là sai lầm.

Do vậy đối với Phật Pháp và pháp thế gian tất cả đều không được tham ái.

Kẻ đến là không “sân hận”: Thành thật mà nói, vì sao lại sân hận vậy? Tham không được thì liền sân hận, nếu lòng tham mà đạt được, họ sẽ không có tâm sân hận nữa. Tâm sân hận là phiền não rất lớn.

“Tham, Sân, Si” chính là phiền não của ba độc: Tham lam keo kiệt là nghiệp nhân của đường ác quỷ

Con người khi chết rồi, vì sao lại trở thành ác quỷ vậy? Vì tâm tham chưa dứt bỏ.

Vì sao bị đọa địa ngục vậy? Vì tâm sân hận chưa dứt bỏ.

Vì sao lại trở thành súc sinh vậy? Vì ngu si.

Thế nào gọi là Ngu Si? Pháp thế gian và Phật Pháp đều có thật, có giả có Chính, có tà; có đúng có sai, có thiện có ác. Nhưng họ không nhận biết rõ, không có khả năng này, cứ coi những thứ giả là thật, xem những điều tà là Chính. Đây là ngu si.

Thực ra không phải họ cố ý như vậy mà do vô tình. Vì sao lại vô tình vậy? Vì ngu si, không có trí huệ

Cho nên phiền não của ba độ là chướng ngại nghiêm trọng nhất trong “bản tính chân như” của chúng ta. Vậy việc tu học Phật Pháp phải nên tu từ đâu?

Phải tu từ nền tảng, nền tảng là gì vậy? Nền tảng chính là Tâm. Tâm có “tham, sân, si”: khi có “tham, sân, si” thì chính là sai lầm rồi. Bắt buộc phải đem chúng mà sửa đổi lại. Do đó phải sửa từ tâm, cũng chính là tu từ nền tảng

Thân nghiệp có 3, khẩu nghiệp có 4, ý nghiệp có 3, gộp lại là 10 điều thiện - “Thập Thiện Nghiệp”

“Hiếu dưỡng cha mẹ, Tôn kính sư trưởng, Từ tâm không sát hại, Tu 10 điều thiện” nếu tất cả chúng ta đều làm được đây mới được xem là người thiện của thế gian. Trong pháp thế gian được nói Thiện nam tử, thiện nữ nhân bắt buộc phải phù hợp với tiêu chuẩn này.

Tuy nhiên đối với thiện nam tử, thiện nữ nhân được đức Phật nhắc đến trong kinh điển thì tiêu chuẩn này vẫn chưa đủ, bởi tiêu chuẩn đó còn cao hơn tiêu chuẩn này.

Có thể thấy, đây là tiêu chuẩn thấp nhất, nhưng cũng không dễ dàng mà làm được.

Phúc thứ hai trong Tam phúc có ba câu: “Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”. Đây là nói Phúc của hàng Nhị Thừa: Nhị Thừa chính là Thanh Văn và Duyên Giác, cũng chính là Phật Pháp Tiểu Thừa

Chúng ta biết rằng: Đại Thừa lấy Phật Pháp Tiểu Thừa làm nền tảng. Ngày nay chúng ta học Phật Pháp Đại Thừa, kinh điển Tiểu Thừa không học nữa. Điều này tựa thể xây một tòa nhà nền móng cũng không cần, tầng thứ nhất cũng không cần, lại cứ muốn xây từ tầng hai trở lên. Đây là tòa nhà rỗng giữa, bởi vậy dầu xây thế nào cũng không xây được.

Đây chính là lý do vì sao thời đại này của chúng ta không xuất hiện nhân tài Phật Pháp thực sự. Không

nếu trước đây đời nào cũng có cao tăng đại đức, đều xuất hiện các cư sĩ tại gia tu học chân chính, đời này lại không có.

Vì sao lại không có vậy? Chính vì mọi người đã xem nhẹ nền tảng mất rồi. Tiểu Thừa được thiết lập trên cơ sở của cõi người và cõi trời chính là xây dựng trên nền tảng đã giới thiệu ở trên: Đối với “Hiếu cha mẹ, kính thầy giáo, tâm từ bi, làm 10 điều thiện” đã nói ở trên, phải xây dựng trên nền tảng này. Từ nền tảng này mới có thể thực sự bước vào cửa Phật.

Nếu đã có được điều kiện học Phật khi bước vào cửa Phật thì phải bái sư, đó là “Thọ Tam Quy Y”. Tam Quy Y vô cùng long trọng, vô cùng nghiêm ngặt, là một việc lớn, không phải việc nhỏ, là chúng ta chính thức muốn tôn xưng Phật Thích Ca Mâu Ni làm người thầy, cả đời này tuân theo theo sự chỉ dạy của thầy giáo để tu học, để tu hành. Khi chính thức tôn xưng thầy giáo rồi, thầy nhất định sẽ dạy cho bạn nguyên tắc định hướng để học Phật. Sau ngày hôm nay ta phải tu hành, vậy việc tu hành phải có một tiêu chuẩn, đem tiêu chuẩn này mà truyền dạy cho bạn. Tiêu chuẩn này chính là nguyên tắc định hướng cao nhất để tu sửa hành vi. Đây là truyền thụ Tam Quy: Tam Quy là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Thời xưa khi nói đến Tam Quy mọi người đều hiểu, sẽ không hiểu nhầm ý. Thế nhưng thời đại mà Phật truyền dạy đã lâu rồi, khi truyền đến ngày nay,

chúng ta khi vừa nghe đến “Phật, Pháp, Tăng” liền hiểu sai ý nghĩa.

Khi nghĩ đến quy y Phật, sẽ nghĩ ngay đến tượng Phật là ta quy y pho tượng Phật này, thực sự sai lầm mất rồi!

Khi nghĩ đến quy y Pháp, sẽ nghĩ đến kinh điển nghĩ đến quy y Tăng, liền nghĩ đến người xuất gia, hết thấy đều hiểu sai ý nghĩa mất rồi.

Vào triều đại nhà Đường, Đại sư Huệ Năng – vị tổ thứ sáu của Thiền Tông có lẽ đã biết được tình huống này, Ngài e rằng người thế hệ sau sẽ hiểu nhầm Tam Quy, bởi vậy khi truyền thụ Tam Quy, Ngài đã nói: “Quy y Giác, quy y Chính, quy y Tịnh”. Để mọi người khi nghe thấy, cũng không đến nỗi bị hiểu nhầm. Sau đó ngài giải thích cho mọi người rằng:

“Phật giả, giác dã.” Nghĩa là: “Phật” chính là ý nghĩa giác ngộ.

“Pháp giả, chính dã.” Nghĩa là: “Pháp” chính là “Chính tri, Chính kiến” [Thấy, biết đúng chân lý].

“Tăng giả, tịnh dã.” Nghĩa là: [“Tăng”] là sáu căn đều thanh tịnh, một bụi trần cũng không nhiễm.

Bởi vậy căn cứ chủ yếu để chúng ta tu hành chính là phải nương tựa vào Tự Tính Giác, Tự Tính Chính, Tự Tính Tịnh. Đây được gọi là “Tam Bảo” của tự

tánh, đây là nơi quy y thực sự chứ không phải là quy y với một người nào đó.

Trước hết xin bàn về Quy Y Phật “quy” là quay đầu, “y” là nương tựa. Từ nhiều kiếp đến nay chúng ta đã trôi lăn trong “sáu đường” [Lục đạo. Thành thật mà nói là không nơi nương tựa, điều này thực sự là đáng thương vô cùng! Đây cũng chính bởi chưa gặp được thiện tri thức thật sự chưa gặp đúng thầy. Ngày nay ta gặp được thầy tốt, giỏi rồi, thầy chỉ dạy cho chúng ta: “Con phải từ sự mê hoặc điên đảo mà quay đầu lại, vậy phải nương tựa vào điều gì? Nương tựa vào “Tự Tính Giác”. Tự tính của bạn vốn dĩ là Giác, cho nên, Quy Y Phật.

Phật không phải là Phật ở bên ngoài, mà là Phật của tự tính. Tịnh Độ Tông thường nói: “Tự tính Di Đà, duy tâm Tịnh Độ” [Tự tính chính là Phật A DI ĐÀ, Tâm chính là cõi Phật Tịnh Độ]. Phật A Di Đà là biến hiện từ tự tính; Phật Thích Ca Mâu Ni cũng là biến hiện từ tự tính; Tất cả chư Phật Như Lai mười phương ba đời đều là Phật của tự tính. Cho nên nơi mà chúng ta quy y chính là Phật của “Tự Tính”, cũng chính là Tự Tính Giác.

Phật có nghĩa là “Giác”. Kể từ ngày hôm nay, chúng ta phải “giác” mà không “mê”, dù cho đối với người, đối với sự, đối với vật ta đều phải giác ngộ, tuyệt đối không được mê hoặc, giác mà không mê, chính là thực sự quy y.

Nếu đã quy y Phật rồi mà vẫn mê hoặc điên đảo, mà vẫn rối như tơ vò, thì bạn vẫn chưa quay đầu, cũng chưa có nơi nương tựa, vậy thì quy y của bạn chỉ là hữu danh vô thực, sẽ không nhận được sự bảo vệ của thần hộ pháp không có được cảm ứng, do vậy nhất định phải nhận thức cho rõ phải quy y Tự Tính Giác.

Thứ hai là Quy Y Pháp: “Pháp” chính là cách nhìn nhận, suy nghĩ đối với vũ trụ nhân sinh hoàn toàn phù hợp với chân tướng của sự thật.

Đây cũng là tư tưởng đúng đắn “kiến giải” [sự thấy hiểu] đúng đắn. Trong kinh Phật thường gọi là Chính Tri Chính Kiến hoặc là “Phật Tri Phật Kiến” [Cảnh giới thấy, biết của Phật].

Phật Tri Phật Kiến chính là Chính Tri Chính Kiến, đây là Pháp. Đây là pháp bảo của tự tính, không phải thứ đến từ bên ngoài. Quy y “quy” chính là từ suy nghĩ sai lầm, cách nhìn nhận sai lầm của chúng ta mà quay đầu lại phải nương tựa vào Chính Tri Chính Kiến của tự tính, đây được gọi là Quy Y Pháp. Bởi vậy “Pháp” là tri kiến của tự tính chứ không phải cứ đi theo người khác.

Đây chính là sự vĩ đại, là điều khiến người khác kính phục của đức Phật. Đức Phật không dắt mũi chúng ta mà kéo đi, Phật hoàn toàn để chúng ta làm một người độc lập có thể đầu đội trời, chân đạp đất. Đây là điểm đáng để chúng ta tôn kính.

“Tăng” có nghĩa là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh. Sáu căn “mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý” của chúng ta khi tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài là “sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”, phạm phu khi tiếp xúc đều bị nhiễm bởi cảnh giới bên ngoài. Bị nhiễm như thế nào vậy? Bị nhiễm “tham, sân, si, mạn”.

Khi gặp những điều vừa ý mình liền nảy sinh tâm tham, tham chính là ô nhiễm;

Khi không đúng ý của mình thì nảy sinh tâm sân hận, bị nhiễm bởi tâm sân hận. Bởi vậy, các vị phải biết rằng “Thất tình, Ngũ dục” [7 trạng thái tâm lý của tình cảm, 5 thứ ham muốn] tất cả đều là ô nhiễm. Đây đều là sự ô nhiễm của tâm.

Đức Phật dạy chúng ta: Tự tính vốn là thanh tịnh, không có ô nhiễm. Ngày nay phải từ tất cả sự ô nhiễm mà quay đầu lại để nương tựa vào tâm thanh tịnh của chính mình, đây được gọi là Quy Y Tăng.

Đối với Tam Quy, tựu chung mà nói:

Quy y Phật chính là giác mà không mê
Quy y Pháp là Chính mà không tà
Quy y Tăng là tịnh mà không nhiễm

Ba cương lĩnh chủ yếu mà Phật đã dạy chúng ta tu học này, chính là ba tiêu chuẩn để tu sửa hành vi của chúng ta. Ba tiêu chuẩn này chính là “Giác – Chính – Tịnh” chính là tam bảo của tự tính, là điều mà

ai ai cũng đều có đủ, phải từng giờ từng phút nghĩ đến “Giác - Chính - Tịnh”, phải lấy “Giác - Chính - Tịnh”, để tu sửa tư tưởng, kiến giải và hành vi của chính mình, có như vậy bạn mới thực sự quy y;

Câu thứ hai dạy chúng ta phải trì giới: “Cụ túc chúng giới” [Đầy đủ các giới]: “chúng” là số nhiều. Trong rất nhiều giới, quan trọng nhất là Ngũ Giới [năm giới].

Ngũ Giới là đại giới căn bản của nhà Phật, nếu trì giữ được năm giới, đời sau sẽ giữ được thân người.

Câu cuối cùng nói: “Bất phạm oai nghi” [Chẳng phạm oai nghi]: “Oai nghi” là phép tắc, lễ tiết. Trong cuộc sống hàng ngày khi đối nhân xử thế tiếp vật phải tuân thủ một số quy định và phép tắc, điều này thuộc về “oai nghi”.

Phúc thứ ba là Phúc Đại Thừa, Đại Thừa cũng chính là Bồ Tát Thừa trong Phật Pháp Ngũ Thừa.

Phúc Đại Thừa có bốn câu: “Phát Bồ Đề tâm, Tin sâu nhân quả, Đọc tụng Đại Thừa, Khuyến tấn hành giả.”

Câu thứ nhất là: “Phát Bồ Đề tâm”: Chúng ta là học Phật Giáo Đại Thừa, bởi vậy câu “Phát Bồ Đề tâm” thường xuyên được nói đến, bạn phải phát tâm, phải khuyến người phát tâm, rốt cuộc là phát cái tâm gì?

Thế nào là tâm Bồ Đề? Rất ít người biết được. “Bồ Đề” là tiếng Phạn dịch sang tiếng Trung là “giác ngộ”. Tâm Bồ Đề chính là tâm giác ngộ thật sự, tâm thực sự không mê.

Vậy giác ngộ điều gì đây? Giác ngộ được đời người thật sự là khổ, đức Phật dạy chúng ta: “tam giới” đều khổ. Không những cõi người khổ, cõi trời cũng khổ, “tam khổ”, “tám khổ” của thế gian hết thảy đều có đủ. Nội dung này không thể bàn chi tiết với quý vị bởi nếu bàn chi tiết có đến hai giờ đồng hồ cũng không nói hết.

Khi thực sự hiểu rõ được chân tướng của ba cõi bạn mới có thể giác ngộ. Sau khi giác ngộ rồi, chúng ta phải lìa khổ được vui.

Làm thế nào để lìa khổ? Nhất định phải vượt qua “Tam Giới”.

Vậy phải vượt qua Tam Giới thế nào đây? Phải tu hành chân chính theo phương pháp của đức Phật, đây mới là thực sự phát tâm Bồ Đề, thực sự giác ngộ;

Ngoài ra, đức Phật còn dạy cho chúng ta Tứ Hoằng Thệ Nguyện, Tứ Hoằng Thệ Nguyện chính là giải thích chi tiết về tâm Bồ Đề: Bồ Tát Đại Thừa là đã phát được tâm Bồ Đề. Nếu xét từ tiêu chuẩn của Tứ Hoằng Thệ Nguyện sẽ hiểu được một cách dễ dàng.

Tâm của Bồ Tát là phổ độ tất cả chúng sinh, không những hiểu được bản thân mình khổ, phải độ chính mình, phải độ người thân của mình, phải độ thân bằng quyến thuộc của mình, mà còn phải độ vô lượng vô biên chúng sinh, phổ độ một cách bình đẳng, đây là tâm Đại Bồ Đề, và cũng là nguyện thứ nhất trong Tứ Nguyện “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”.

Trên thực tế, bốn nguyện này chính là một nguyện, ba nguyện sau chỉ là để hoàn thành một nguyện này. Ta muốn độ chúng sinh nhưng nếu bản thân mình còn độ không nổi vậy bạn có thể độ chúng sinh nào đây!

Vậy nếu muốn độ chúng sinh thì phải tu theo cách nào đây? Trước tiên phải dứt bỏ phiền não bởi vậy mà “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”. Đây chính là thứ tự đầu tiên trong tu hành không thể không hiểu cho được, trước hết phải dứt bỏ phiền não, rồi mới học pháp môn “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.

Nguyện cuối cùng là “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”: Chính là dứt bỏ hết phiền não, viên mãn các pháp môn; vô lượng vô biên pháp môn, không có pháp nào mà không thông hiểu, không có pháp môn nào mà không viên mãn, đây chính là “thành Phật đạo”.

Câu thứ hai là “Tin sâu nhân quả”: Những năm đầu khi tôi mới đọc bộ “Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật”, khi đọc đến câu này thì liền sinh nghi hoặc: Phúc thứ ba trong Tam Phúc là các Bồ Tát tu, lẽ nào Bồ Tát còn không tin nhân quả sao? Sau này thì đọc đến phẩm Thập Địa thì mới bừng tỉnh ngộ, thì ra nhân quả ở chỗ này chính là “Niệm Phật là nhân, thành Phật là Quả”.

Nhân quả này, thành thật mà nói có vô số Bồ Tát cũng chưa hiểu, bởi vậy ở đây Phật khuyên họ tin sâu nhân quả “Niệm Phật là nhân, thành Phật là Quả”. Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử khi phát nguyện vãng sinh Thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là tin tưởng vào câu này. Cho nên khi đọc “Kinh Hoa Nghiêm”, giảng “Kinh Hoa Nghiêm”, tôi mới thông hiểu được câu này, chứ trước đây câu này không hiểu được.

Có thể thấy việc này quả thật không hề dễ dàng!

Câu thứ ba là: “Đọc tụng Đại Thừa”: Các Bồ Tát học Phật không thể một ngày mà không đọc, tụng kinh Đại Thừa.

Khi đọc kinh, xin quý vị nhất định phải nhớ kỹ: Kinh không phải đọc, tụng để Phật nghe, đọc kinh là để tiếp nhận lời chỉ dạy của Phật - Bồ Tát như khi chúng ta đọc “Kinh Vô Lượng Thọ”, tựa như Phật A Di Đà đang ở trước mặt chỉ dạy chúng ta. Tất cả đạo lý mà ngài dạy là khiến chúng ta hiểu tường tận chân

tướng của vũ trụ nhân sinh, trong đó có rất nhiều bài học chỉ dạy chúng ta khi ở thế gian này, hoặc khi tu Bồ Tát Đạo phải dùng tâm thế nào, cách thức nào để thực hiện. Hay nói cách khác tất cả lời răn dạy đều phải làm được, vậy thì đọc kinh mới có lợi ích.

Mười câu trên đều là “tự lợi” [lợi ích cho chính mình], đều là để chính mình tu hành, chỉ có một câu cuối cùng Đức Phật dạy chúng ta: Phải đem Phật Pháp giới thiệu rộng rãi cho đại chúng. Câu cuối cùng: “Khuyến tấn hành giả” Phải khuyến người học Phật, phải giúp người khác tiến bộ, đây chính là Bồ Tát hóa độ chúng sinh.

Bởi vậy phạm là thiện nam tử, thiện nữ nhân được nhắc đến trong kinh Đại Thừa “Thiện” đó chính là điều kiện này từ “hiếu dưỡng phụ mẫu” cho đến “khuyến tấn hành giả” tất cả đều làm được, đây mới là “thiện nam tử, thiện nữ nhân” được nói trong kinh.

Có thể thấy những tiêu chuẩn đó khác nhau Pháp môn đặc biệt của Phật Giáo – Pháp môn Tịnh Độ. Từ những điều giải thích ở trên, chúng ta có thể hiểu được từ việc tu học Phật Pháp cho đến thành tựu đạo nghiệp thực sự không dễ dàng, chỉ đơn giản nói đến dứt bỏ phiền não thô nặng dễ thấy cũng đã rất khó khăn rồi, huống hồ là muốn tu học Bồ Tát Đạo!

Bởi vậy, Phật Đà chỉ dạy cho chúng ta một pháp môn đặc biệt, đó chính là pháp môn Tịnh Độ: niệm A

Di Đà Phật cầu sinh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là pháp môn không cần đoạn phiền não cũng có thể thành tựu chỉ cần có đủ ba tư lương: Tín - Nguyện - Hạnh, tin tưởng rằng Tây Phương có Thế Giới Cực Lạc, Thế Giới Cực Lạc có Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám nguyện, để nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật thật lòng cầu vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc, không còn lưu luyến thế giới này, thật thà niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật Tín - Nguyện - Hạnh đều rất kiên định. Đến khi lâm chung Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn bạn đời nghiệp mà vãng sinh Thế Giới Cực Lạc. Khi đến Thế giới Cực Lạc, thọ mạng của bạn là vô lượng có thể tu đến khi thành Phật mới thôi. Đây là pháp môn tốt nhất, nhanh được viên mãn nhất.

Giáo dục Phật Đà là sự nghiệp Giáo Dục Tôn Giáo chí thiện, viên mãn. Tôi đã từng giới thiệu hàm nghĩa của “tôn giáo” theo nghĩa tiếng Trung, chữ “tôn” trong tiếng Trung có ba ý nghĩa: Chủ yếu, Quan trọng và Tôn kính; Chữ “giáo” cũng có ba ý nghĩa: Giáo dục, Giảng dạy và Giáo hóa.

Khi kết hợp hai chữ với nhau và thêm vào hai chữ “nhân loại” chúng ta có thể nói TÔN GIÁO là SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CHỦ YẾU, SỰ NGHIỆP GIẢNG DẠY QUAN TRỌNG và SỰ NGHIỆP GIÁO HÓA TÔN KÍNH CỦA NHÂN LOẠI.

Ở khắp nơi trên thế giới, tôi đã khởi xướng đoàn kết tôn giáo. Tôn giáo trở về với giáo dục, các tôn giáo học tập lẫn nhau. Đây là điểm bắt đầu quan trọng

để thúc đẩy thế giới hòa bình tôi đã đưa ra định nghĩa này của tôn giáo với các lãnh tụ tôn giáo để họ tham khảo họ đều công nhận tôn giáo của mình, là sự nghiệp giáo dục chủ yếu, là sự nghiệp giảng dạy quan trọng, là sự nghiệp giáo hóa tôn kính của nhân loại, bởi vì tất cả tôn giáo đều là giáo dục về tình yêu thương của các vị thần và thánh đều dạy người ta phải biết yêu người, không được hại người.

Hơn nữa các tôn giáo đều dẫn dắt sự nghiệp giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả và giáo dục của trí tuệ Thánh Hiền, bốn sự nghiệp “Giáo Dục Phổ Thế” này có thể thúc đẩy xã hội an định và hài hòa nhân dân hạnh phúc an lạc.

Từ những điều trình bày ở trên cho thấy sự nghiệp giáo dục của Phật Đà là sự nghiệp giáo dục đại từ đại bi. Sự nghiệp giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả và giáo dục trí tuệ Thánh Hiền đã trình bày đều giảng một cách triệt để và viên mãn.

Sự nghiệp này không chỉ khiến người có được sự an lạc ở thế gian mà còn đạt được sự an lạc xuất thế gian, bởi vậy **GIÁO DỤC CỦA PHẬT ĐÀ LÀ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CHỈ THIỆN VIÊN MÃN.**

Cuối cùng

Xin chúc quý vị thân tâm an khang, lục thời cát tường!

Chúc Quý quốc thế nước hưng thịnh, quốc thái dân an!

Chúc cho thế giới an định, hòa bình và mãi mãi đại đồng!

Xin cảm ơn mọi người!

[Ghi chú: Những câu trong ngoặc vuông ([...]) là lời giải thích thêm của ban chuyển ngữ Việt Nam, không phải lời của Hòa thượng);